

Bản án số: 13/2023/HNGĐ- ST

Ngày 15/3/2023

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Xuân Thịnh

2. Bà Nguyễn Thị Thuỷ Khôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 15/3/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 312/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/02/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Minh A, sinh năm 1991; địa chỉ: Số M, đường L, thôn L, thị trấn L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và cô Minh A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 08/6/2018, sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận và hạnh phúc.

Mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2021, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tính tình và không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau từ những việc nhỏ đến vấn đề kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau và mâu thuẫn. Bản thân anh chị đã dàn xếp

hiều lần nhưng không có kết quả. Đầu năm 2022, cô Minh A đã mang con về nhà đẻ ở và vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay. Sau khi cô Minh A về nhà đẻ ở thì anh có gọi cô Minh A về đoàn tụ nhưng cô Minh A không đồng ý quay lại chung sống cùng anh nữa. Gia đình hai bên có dàn xếp cho anh chị về đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh và cô Trần Thị Minh A.

- *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Đức Minh H, sinh ngày 18/5/2019. Hiện nay hai con chung đang ở với cô Minh A, ly hôn anh đồng ý để cô Minh A được tiếp tục nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp*: Anh chị không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh T không có yêu cầu nào khác.

* *Tại biên bản lấy lời khai, chị Trần Thị Minh A trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Nguyễn Đức T sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang kết hôn ngày 08/6/2018 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang số 34/2018 ngày 08/6/2018.

Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh T ngay. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị không hợp nhau, có những bất đồng trong quan điểm sống cũng như trong làm ăn kinh tế nên anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau từ những việc nhỏ nhặt. Chị và anh T đã nhiều lần dàn xếp nhưng không có kết quả, đôi bên vẫn không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên từ đầu năm 2022 chị đã mang con bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở số M, L, thị trấn L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế sinh sống và ly thân với anh T. Từ đó đến nay anh T có dàn xếp, gọi chị quay về vợ chồng đoàn tụ chung sống cùng nhau nhưng chị không quay về vì chị xác định anh chị không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa.

Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T đã hết, anh Tùng xin ly hôn, chị đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T ly hôn.

- *Về con chung*: Chị và anh Tùng có 01 con chung là Nguyễn Đức Minh H, sinh ngày 18/5/2019. Hiện nay con chung đang ở cùng chị ở số M, L, thị trấn L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nay ly hôn chị và anh T thống nhất giao con chung Nguyễn Đức Minh H cho chị tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền

nuôi con chung cho chị.

- Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Anh chị không có gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị đang làm nghề bên thẩm mỹ viện, thu nhập trung bình từ 15 triệu đến 20 triệu/01 tháng nên chị có đủ điều kiện để đảm bảo chăm sóc cho cháu Nguyễn Đức Minh H tốt nhất.

- Ngày 21/02/2023, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Minh A xin vắng mặt nên các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Tùng và chị Minh A đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức T được ly hôn với chị Trần Thị Minh A.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Minh A trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Đức Minh H, sinh ngày 18/5/2019.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là anh Nguyễn Đức T đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là chị Trần Thị Minh A đã có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Đức T và chị Trần Thị Minh A có đơn thoả thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng giải quyết ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Đức T có đơn xin ly hôn với chị Trần Thị Minh A nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[4] Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Trần Thị Minh A có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Đ, huyện Yên Dũng ngày 08 tháng 6 năm 2018. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Tùng và chị Minh A là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, vợ chồng có thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc và có một con chung. Mẫu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2021, nguyên nhân theo phía anh T là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tính tình và không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau từ những việc nhỏ đến vấn đề kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau và mâu thuẫn. Bản thân anh chị đã dàn xếp nhiều lần nhưng không có kết quả. Theo phía chị Minh A thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh chị không hợp nhau, có những bất đồng trong quan điểm sống cũng như trong làm ăn kinh tế nên anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau từ những việc nhỏ nhất. Chị và anh Tùng đã nhiều lần dàn xếp nhưng không có kết quả, đôi bên vẫn không có tiếng nói chung. Nay, anh T và chị Minh A đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình, ông Nguyễn Văn D là bố đẻ anh Tùng cho biết: Anh T và chị Minh A kết hôn với nhau từ năm 2018 ở trên cơ sở tự nguyện. Anh T và chị Minh A phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021, nguyên nhân do hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung. Nay anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của hai cháu.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, bà Lê Thị C- Phó trưởng thôn T, xã Đ cho biết: Anh T và chị Minh A kết hôn với nhau từ năm 2018 ở trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống đến năm 2021 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, **nguyên nhân vì sao thì ông không được biết. Đến đầu năm 2022 chị Minh A bỏ về nhà đẻ ở, không quay lại chung sống cùng anh T nữa.** Nay anh T xin ly hôn chị Minh A, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh T và chị Minh A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do vậy, cần xử cho anh T được ly hôn với chị Minh A là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Anh T và chị Minh A có một con chung là Nguyễn Đức Minh H, sinh ngày 18/5/2019. Hiện nay hai con chung đang ở với chị Minh A. Nay ly hôn, anh T và chị Minh A đều có ý kiến đề nghị tiếp tục giao con chung cho chị Minh A nuôi dưỡng, chăm sóc.

Xét thấy: Đề nghị của anh T và chị Minh A là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đề nghị của anh chị là phù hợp với pháp luật, phù hợp đạo đức nên cần chấp nhận yêu cầu của anh T và chị Minh A. Do vậy, cần giao cho chị Trần Thị Minh A trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Nguyễn Đức Minh H, sinh ngày 18/5/2019 là phù hợp với khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình; sau khi vợ chồng ly hôn anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị Minh A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] *Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp*: Anh T và chị Minh A không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh Nguyễn Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Nguyễn Đức T được ly hôn với chị Trần Thị Minh A.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Trần Thị Minh A trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Đức Minh H, sinh ngày 18/5/2019.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở **anh** thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng

việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí*: Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng **anh** đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0009794 ngày 06/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận anh Nguyễn Đức T đã nộp đủ án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Đ, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Oanh